

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TPL22B2OLV  
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

| STT | MSHS          | Họ và tên            | Ngày sinh  | Giáo dục thể chất(1) | Tin học(2) | Pháp luật(1) | Luật Dân sự và Tổ tụng DS(4) | Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo(2) | Luật Lao động(2) | Luật Hôn nhân và Gia đình(2) | Giáo dục Chính trị(2) | Điểm TB    | Xếp loại   |
|-----|---------------|----------------------|------------|----------------------|------------|--------------|------------------------------|----------------------------------------------|------------------|------------------------------|-----------------------|------------|------------|
| 1   | 2253801011228 | Phạm Văn Tòng        | 02/05/1988 | 8.7                  | 9.8        | 9.6          | 8.4                          | 7.2                                          | 9.4              | 7.3                          | 9.3                   | <b>8.6</b> | Giỏi       |
| 2   | 2253801011229 | Ngô Thị Cẩm Tú       | 01/01/1984 | 8.7                  | 9.2        | 9.7          | 5.8                          | 8.1                                          | 8.2              | 7.2                          | 9.6                   | <b>7.8</b> | Khá        |
| 3   | 2253801011231 | Đinh Tấn Thanh       | 23/03/1998 | 8.8                  | 9.5        | 9.1          | 7.7                          | 6.2                                          | 9.3              | 6.8                          | 9.6                   | <b>8.2</b> | Giỏi       |
| 4   | 2253801011232 | Nguyễn Ngọc Thành    | 19/02/1980 | 7.0                  | 9.2        | 8.6          | 6.7                          | 7.0                                          | 7.9              | 5.5                          | 9.2                   | <b>7.5</b> | Khá        |
| 5   | 2253801011233 | Châu Thị Mộng Thúy   | 17/05/1992 | 9.1                  | 9.2        | 8.7          | 5.0                          | 7.7                                          | 9.4              | 6.9                          | 9.7                   | <b>7.6</b> | Khá        |
| 6   | 2253801011234 | Phan Thị Thừa        | 10/07/1982 | 9.7                  | 9.7        | 8.8          | 6.6                          | 8.0                                          | 9.3              | 6.4                          | 9.5                   | <b>8.1</b> | Giỏi       |
| 7   | 2253801011551 | Nguyễn Thị Mỹ Phượng | 04/05/1979 | 7.9                  | 9.3        | 8.8          | 5.7                          | 6.8                                          | 7.5              | 5.6                          | 8.8                   | <b>7.2</b> | Khá        |
| 8   | 2253801013393 | Nguyễn Thị Mỹ Chi    | 05/07/1996 | 7.7                  | 8.7        | 9.7          | 7.1                          | 7.7                                          | 8.6              | 5.9                          | 8.4                   | <b>7.8</b> | Khá        |
| 9   | 2253801013394 | Nguyễn Văn Chiến     | 19/05/1993 | 8.1                  | 8.6        | 9.2          | 6.5                          | 5.9                                          | 9.1              | 5.5                          | 9.5                   | <b>7.5</b> | Khá        |
| 10  | 2253801013395 | Đoàn Thị Bé Chính    | 02/09/1983 | 8.6                  | 8.9        | 9.7          | 7.1                          | 7.5                                          | 8.5              | 5.8                          | 9.4                   | <b>7.9</b> | Khá        |
| 11  | 2253801013397 | Trịnh Thanh Hóa      | 31/01/1992 | 7.1                  | 8.3        | 9.7          | 2.9                          | 6.8                                          | 2.6              | 2.2                          | 8.9                   | <b>5.3</b> | Trung bình |

| STT | MSHS          | Họ và tên       |       | Ngày sinh  | Giáo dục thể chất(1) | Tin học(2) | Pháp luật(1) | Luật Dân sự và Tố tụng DS(4) | Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo(2) | Luật Lao động(2) | Luật Hôn nhân và Gia đình(2) | Giáo dục Chính trị(2) | Điểm TB | Xếp loại |
|-----|---------------|-----------------|-------|------------|----------------------|------------|--------------|------------------------------|----------------------------------------------|------------------|------------------------------|-----------------------|---------|----------|
| 12  | 2253801013398 | Lê Thị          | Huống | 26/07/1984 | 9.4                  | 9.2        | 9.8          | 4.9                          | 7.6                                          | 8.1              | 6.2                          | 9.4                   | 7.4     | Khá      |
| 13  | 2253801013399 | Nguyễn Thị Diệu | Hương | 17/10/1990 | 9.5                  | 9.2        | 9.5          | 7.1                          | 6.8                                          | 9.2              | 6.1                          | 9.5                   | 8.0     | Giỏi     |
| 14  | 2253801013400 | Lê Hoàng        | Linh  | 19/12/1992 | 8.0                  | 8.9        | 9.1          | 6.8                          | 5.5                                          | 8.5              | 5.8                          | 8.1                   | 7.3     | Khá      |
| 15  | 2253801013401 | Lê Chí          | Thanh | 29/07/1996 | 7.8                  | 8.9        | 9.1          | 5.9                          | 6.7                                          | 8.1              | 6.1                          | 9.2                   | 7.4     | Khá      |
| 16  | 2253801013402 | Nguyễn Nhật     | Thanh | 20/08/1991 | 7.3                  | 7.1        | 9.1          | 6.5                          | 6.1                                          | 8.3              | 6.4                          | 8.9                   | 7.2     | Khá      |

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG  
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 22 tháng 12 năm 2023  
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái